

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2016 - 2017

Khoa : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
1	403062	Nguyễn Thị Bích	Hiền	4030B	18		8.52		91	9 500 000		9 500 000	Loại 1
2	402910	Phan	Vũ	4029A	18		8.47		94	9 500 000		9 500 000	Loại 1
3	402940	Nguyễn An	Giang	4029B	18		8.45		88	9 500 000		9 500 000	Loại 1
4	403056	Dương Hiếu	Phong	4030B	18		8.38		95	9 500 000		9 500 000	Loại 1
5	402931	Nguyễn Bình Trúc	Quỳnh	4029A	18		8.37		90	6 500 000		6 500 000	Loại 2
6	403025	Đoàn Trúc	Phương	4030A	18		8.35		94	6 500 000		6 500 000	Loại 2
7	402921	Phan Thị Trúc	Linh	4029A	18		8.33		89	6 500 000		6 500 000	Loại 2
8	402917	Lê Thị Hồng	Hạnh	4029A	18		8.32		89	6 500 000		6 500 000	Loại 2
9	402924	Hoàng Khánh	Linh	4029A	18		8.32		88	6 500 000		6 500 000	Loại 2
10	403074	Phạm Hằng	Nga	4030B	18		8.30		94	6 500 000		6 500 000	Loại 2
11	402904	Trần Thị Hà	Phương	4029A	18		8.26		90	6 500 000		6 500 000	Loại 2
12	403046	Vũ Quỳnh	Mai	4030B	18		8.24		89	6 500 000		6 500 000	Loại 2
13	403066	Doãn Nhật	Linh	4030B	18		8.24		87	6 500 000		6 500 000	Loại 2
14	402148	Ngô Thị	Hạnh	4030A	18		8.23		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3
15	403069	Lê Gia	Khánh	4030B	18		8.21		91	3 500 000		3 500 000	Loại 3
16	400967	Trần Thị Thu	Hà	4029A	18		8.21		90	3 500 000		3 500 000	Loại 3
17	402932	Bùi Hà	Phương	4029A	18		8.20		90	3 500 000		3 500 000	Loại 3
18	403041	Đoàn Ngọc	Yến	4030B	18		8.18		89	3 500 000		3 500 000	Loại 3
19	403078	Vương Thị Ngọc	Mai	4030B	18		8.18		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
20	403055	Nguyễn Thị Vân	Anh	4030B	18		8.17		89	3 500 000		3 500 000	Loại 3

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2016 - 2017

Khoa : Chất lượng cao

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Học bổng thủ khoa	Tổng cộng	Loại HB
21	402925	Nguyễn Thị	Trang	4029A	18		8.17		86	3 500 000		3 500 000	Loại 3
22	403006	Đỗ Minh	Tú	4030A	18		8.16		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
23	403058	Phùng Thị Diễm	Hương	4030B	18		8.15		87	3 500 000		3 500 000	Loại 3
24	402545	Nguyễn Đức	Anh	4030B	18		8.14		89	3 500 000		3 500 000	Loại 3
25	402165	Nguyễn Thúy	Hằng	4030B	18		8.14		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
26	403019	Ngô Thu	Hiền	4030A	18		8.13		90	3 500 000		3 500 000	Loại 3
27	402631	Nguyễn Diệu	Linh	4030B	18		8.13		87	3 500 000		3 500 000	Loại 3
28	403071	Phan Khánh	Hà	4030B	18		8.12		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
29	403065	Phùng Linh	Trang	4030B	18		8.12		87	3 500 000		3 500 000	Loại 3
30	401809	Bùi Hải	Linh	4030B	19		8.11		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
31	402935	Nguyễn Huyền	Trang	4029A	18		8.11		88	3 500 000		3 500 000	Loại 3
		Tổng								159 500 000		159 500 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG